

## NIẾT-BÀN HUYỀN NGHĨA PHÁT NGUYÊN CƠ YẾU

### QUYỂN 3

Đức có ba thứ, nhưng ở đây giải thích Thể là y cứ theo Pháp thân, vì ba đức dung hợp nhau cho nên phải nêu đầy đủ, mà ở đây cả ba đức đều tự có đủ ba, nghĩa là ba thân, ba trí, ba Giải thoát chia ra thì thành chín, hợp lại thì thành ba. Ba, chín tuy khác nhưng cùng quy về một thể. Một còn không có một, há lại có chín và ba? Tuy không có chín, ba mà chín, ba vẫn rõ ràng. Quả Phật đã như thế thì sinh nhân cũng giống như thế. Nên biết Thể, Tông, Dụng, cả ba xoay vần nương nhau mà thành tựu, chỉ trong một niệm của ta, nếu biết được yếu chỉ này thì trước sau dễ dàng phân biệt. “Pháp thân là v.v...” trở xuống là giải thích tướng ba đức, mỗi đức tướng đều có đủ ba tướng, dễ dàng thấy trong văn. Đoạn giải thích về Đức pháp thân có ghi: “Chẳng phải sắc tức Báo thân, tức sắc là Ứng thân, chẳng phải sắc chẳng tức sắc là Pháp thân, vì ba thân dung hợp nhau nên gọi là diệu sắc chân thiện. “Chân tức là không v.v...” trở xuống là y cứ theo Ba quán để giải thích nhân tu ba quán, quả chứng ba thân. “Ví dụ như tất cả pháp v.v... cũng tức là nói tâm chân, thiện, diệu ấm; nhập, giới, chân, thiện, diệu v.v... cho đến căn trần chia chẻ, phàm thánh căn tánh lạnh lợi hay trì độn đều có thể thêm vào ba chữ Chân Thiện Diệu, để nói lên rằng tất cả các pháp đều trở về ba. “Ví như tất cả pháp v.v...” trở xuống là dùng ba chữ Chân Thiện Diệu để gom nhiếp tất cả ba pháp. “Pháp thân tạng v.v...” trở xuống: Vì bao gồm ba, nên gọi là Tạng đều có đầy đủ Thường, v.v... “Gọi là Đức v.v...” trở xuống quy kết cả hai nên nói Tạng đức, cũng giống như thế.

\_ Phần giải thích đức Bát-nhã có ghi Nhất thiết chủng trí, Đại Luận: “Nhất tướng tịch diệt tướng, các thứ hành loại tướng mạo đều biết gọi là Nhất thiết chủng trí, Nhất tướng tịch diệt tức là Trung đạo cùng ngăn che, biết rõ các thứ tướng mạo là Trung đạo cùng chiếu soi, cho nên biết ba trí viên dung gọi là Nhất thiết chủng trí, vì thế văn sau kết

luyện rằng: Ba trí đạt được trong một tâm, chiếu Trung tức Nhất thiết chủng trí, chiếu Chân tức Nhất thiết trí, chiếu tục tức Đạo chủng trí. “Ba Giải thoát: Tự tại giải thoát v.v..., Tự tại tức phương tiện giải thoát; giải thoát tức Thật tuệ giải thoát, tánh của nó rộng lớn tức là thật tướng giải thoát. “Không trói buộc v.v... trở xuống là lần lượt giải thích ba nghĩa của thoát. Thể phược tức là thoát; thể tức là đạt được, thể hội, tức thật tuệ thấu đạt được sự trói buộc của kết nghiệp, là Giải thoát. Đây là giải thích hai chữ Giải thoát nêu trên. Điều phục chúng sinh một cách vô ngại tự tại, tức là phương tiện Giải thoát. Đây là giải thích hai chữ Tự tại ở trên. Khiến cho chúng sinh kia xa lìa hai loại chết khổ, gọi là ung nhọt. Ba đoạn văn được dẫn chứng đều là lời trong một trăm câu nói về Giải thoát của kinh này.

“Gồm thâu tất cả pháp, gồm thâu tất cả người, vì pháp thật và người giả của mười cõi, đều ở trong một niệm tức ba đức. “Nhập vào Trung đạo”, nghĩa là ta rốt ráo nhập Trung, các ông một phần nhập Trung. “Các nghĩa khác cũng đều hiển bày, nghĩa là bốn chương khác. “Thế gian hiểu về Đế v.v... như Sở ghi: “Xưa hoặc cho cảnh là Bốn Đế, hoặc cho trí là bốn Đế, nghĩa là phạm phu vô trí thì chỉ có ở cảnh, cho nên Kinh ghi: “Có khổ thì không có đế, hoặc ghi: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đều là đối cảnh mà nói trí, trí tức là Đế, cảnh phát ra trí, trí chẳng thật có, trí có thể chiếu cảnh, rõ cảnh vốn không. Cảnh trí thành tựu cho nhau nên nói bốn Đế. Sở thiếu phần y cứ vào giáo để giải thích nghĩa của Đế, lẽ ra cũng nên nói rằng ngôn giáo phân biệt rõ ràng là nghĩa “Đế” chính xác. Kinh ghi: “Tâm vui mừng nói chân đế, thuyết tức là Giáo”. Mỗi giáo đều có một đường, cho nên nói rằng: Đều là nghĩa này, nay dùng lý giải thích đế, đây là dùng nghĩa của Hưng Hoàng, cho nên sở ghi “Hưng Hoàng nói Đế là chỉ cho Phật tánh Niết-bàn, chẳng phải cảnh, chẳng phải trí, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải thế gian xuất thế gian, cho nên gọi là Thánh đế. Đây là y cứ theo lý mà giải thích”. Nhưng nay y cứ theo nhất lý mà tùy cơ, nên có bốn thứ Tứ đế khác nhau, thì nghĩa của Hưng Hoàng chưa rốt ráo. “Đương tức cảnh chánh”, vì cảnh là sự, sự lại nương vào lý. Cảnh chánh thì trí giáo đều chánh, vì nương vào cảnh mà phát ra trí, nương vào trí mà nói giáo. Dùng lý giải thích đế v.v...” Lý là gốc của cảnh, trí và giáo. Vì nêu lên gốc là gồm thâu cả ngọn, cho nên dùng lý giải thích nghĩa Đế, thì mới đầy đủ và thích hợp. Năng sinh sinh ra sở sinh, Tập nhân, chiêu cảm quả khổ. Sở sinh lại sinh ra năng sinh, nơi quả khổ lại khởi lên Tập nhân, nhân lại chiêu cảm quả cho nên nói

Khổ, Tập xoay vần. “Đạo là năng hoại”, giới định tuệ có công năng đối trị Khổ Tập. Diệt là sở hoại”, cảnh giới Khổ, Tập đã dứt trừ gọi là Diệt đế. Lại cùng nhau sinh diệt, năng hoại sinh thì sở hoại diệt, đó là bậc Thánh. Sở hoại sinh thì năng hoại diệt tức là phạm phu. Ép ngặt sinh ra và lớn lên... cũng như đối với Tứ đế kể đó. Như kinh, là ba đoạn văn sau đều y cứ vào phần nói về Tuệ Tứ Đế của phẩm Tứ Đế và phẩm Thánh hạnh, cho nên cuối cùng đều có nói “như kinh”, tức chỉ cho hai phẩm này. Có vô lượng tướng là vì y cứ theo mười cõi mà nói về Tứ đế. Rõ biết được khổ, thì chẳng có khổ, ám nhập đều như, nên không có khổ để dứt bỏ, phiền não tức Bồ-đề, cho nên không có Tập để dứt, tà kiến hai bên đều là Trung đạo, cho nên không có đạo để tu, sinh tử tức Niết-bàn, cho nên không có Diệt để chứng, cho đến liễu được diệt thì không có diệt, vì đều tức Một tâm ba Đế, cho nên nói “mà đạt được thật”. Nhân khổ tức là Tập, Khổ hết tức là Diệt; đối trị khổ tức là Đạo. Trong một có vô lượng, một tức là một thật Tứ đế, vô lượng tức là ba loại bốn đế kia. Lấy chỗ đối trị của đạo để làm dụng, nghĩa dụng hiển bày chính là chỗ khổ và tập đã dứt hết. “Đấng Điều Ngự tâm vui mừng v.v... trở xuống là lời hỏi của ngài Ca-diếp; hỏi vì sao các Đấng Điều Ngự với tâm vui mừng nói chân đế, nên Phật đáp bằng phẩm Tứ đế. Chỉ là một không khác nhau, trước y cứ theo lý để giải thích về Đế, thì nhiệm mầu ở ý này. “Ở đây đã thiếu một chương”, đây chẳng phải là chánh văn, vì nói lên bản cổ đã bị mất một chương nói về nghĩa Bất sinh bất sinh, và do người sau hiệu đính ghi chú, ở quyển thượng hoặc là chú thích ở bên ngoài bản, người viết không hiểu lại đưa vào chánh văn, cũng như trong số đầu tiên dưới chữ “Như thị” có hai chữ “Trùng điểm”, cũng là lặp lại trong chánh văn; lại chữ “Như thị” trong chánh văn đã thiếu, người đời sau khi phát hiện đã ghi chú. Mà nay hai chữ Trùng điểm dưới chữ Như thị, người viết không hiểu cũng đưa vào văn, câu “chim oanh vũ học nói” xem xét thật đúng. Nhưng nghĩa bất sinh bất sinh, nếu muốn nói thì như trong phẩm Đức Vương nói bốn câu là sinh sinh, sinh bất sinh, bất sinh sinh, bất sinh bất sinh; Sinh sinh là vô minh sinh tử, sinh bất sinh là Đoạn đức Giải thoát, bất sinh sinh là Trí đức Bát-nhã, bất sinh bất sinh là lý thể Pháp thân, bốn câu này là ngay nơi một mà bốn, ngay nơi bốn mà một, vì muốn cho dễ hiểu, nên gọi chung là bốn câu, tức gọi bất sinh bất sinh là Thể, bất sinh sinh là Tông, sinh bất sinh làm Dụng, luận thuyết như thế tức là Giáo, thế thì chẳng những nghĩa thể của kinh được hiển bày mà các nghĩa khác cũng dễ thấu rõ.

“Tánh có năm v.v...” trở xuống: Trong đó chánh nhân được y cứ

theo lý, bốn thứ khác thì y cứ theo sự. Vì y cứ theo lý, cho nên tuy chẳng phải nhân quả mà thể cùng khắp trong nhân quả, và cảnh nhân duyên sinh ra trí tuệ đã làm nhân thì trí tuệ đối với quả, cũng lại là nhân, cho nên gọi là Nhân nhân. Tánh của quả quả, là trí đức Bồ-đề đã là quả, lại được quả Niết-bàn đoạn đức cho nên gọi là Quả quả. Nay hãy v.v...” tức là y cứ vào năm ấm để trình bày về cảnh năm ấm thường hiện tiền, cho nên pháp chỉ quán, đầu tiên là quán chín pháp như ấm, phiền não v.v...”, và đợi có phát khởi mới quán. Nay vì theo nghĩa chủ yếu, cho nên y cứ vào năm ấm để trình bày năm tánh. “Năm ấm ... sở dĩ cũng là nghĩa lý, vì năm ấm là sự, Phật tánh là lý, sự do lý thay đổi, sự này tức lý, nên gọi là sở dĩ, năm ấm là nhân lại sinh ra nhân trí tuệ, cho nên gọi là Nhân nhân. Hỏi: Năm ấm là quả, sao gọi là Nhân? Đáp: Phàm phu, hưởng về quả, hưởng về Phật vẫn là nhân. “Trí tuệ tăng thành”, là trí tuệ tăng trưởng mà thành, phần chứng hay rốt ráo chứng ngộ đều gọi là trí tuệ tăng thành. “Sở diệt” tức vô minh, chỗ vô minh diệt tức quả Niết-bàn. “Những pháp khác v.v...” tức chỉ cho giới, nhập v.v...”

Tánh của quả Quả làm tên v.v...” trở xuống là vì tên kinh là Đại Niết-bàn, Chánh tánh là thể”. Vì chánh tánh là Diệu lý. Nhân nhân tánh và quả tánh làm tông, vì lấy nhân quả làm tông. Hỏi: Đã dùng nhân làm tông vì sao không gồm chung Niết-bàn đoạn quả? Đáp: Thật ra thì gồm cả, nhưng đề kinh chỉ y cứ theo quả quả mà lập nghĩa, đã vừa thuận tiện lại vừa đúng tên. Nếu y cứ theo nghĩa vừa nêu để lập, cũng nên gom nhiếp cả năm tánh để làm tên. “Nhân tánh làm Dụng”, mười hai nhân duyên làm sở phá, dùng sở để hiển năng, thì nghĩa của Dụng đã rõ. “Hai tức chẳng hai”, hai là nhân quả, chẳng hai tức lý Thể, vì sự lý dung nhiếp làm một cho nên cùng tương tức bất nhị. “Chẳng thể là hai” v.v... vì danh và sự phân riêng, thì thể bất nhị chẳng thể làm tông nhân quả, cho nên nói là “Không thể là hai”. Câu sau cũng giống như thể.

“Đã lập tông thể v.v...” chính là y cứ phân biệt danh và sự mà lập năm chương. Cốt yếu của việc tu hành, như cổ hòng của thân, như cổ của chiếc áo, cho nên nói là Yếu. Không pháp nào hơn pháp nhân quả, vì nhân gồm thâu muôn điều thiện, quả thâu nhiếp muôn đức. “Cho nên lược nêu lên ba loại, tức là ba tu, năm hạnh, một hạnh, vì lần lượt giải thích nên không nêu lên trước;

Hỏi. Tịnh Danh Huyền Nghĩa ghi: “Niết-bàn chẳng phải không có nhân của năm hạnh, mà quả chánh nhân lại phụ lấy quả làm tông. Và lại ở trên nói chẳng có gì hơn nhân quả, vì sao lại dẫn ba đoạn văn

nói về nhân để giải thích nghĩa Tông? Đáp: “Tuy dẫn văn nói về nhân, nhưng nói nhân thì phải có quả, cho nên phù hợp với câu trên; kinh phân biệt chỉ bày thì đồng với nghĩa của Tịnh Danh Huyền Nghĩa. Trong văn nói về ba tu có nói rằng: “Đạt được quả Thường thành Niết-bàn thực”. Trong văn nói về năm hạnh thì ghi: “Tu hạnh này rồi thì đạt được hai mươi lăm Tam-muội, trụ Đại Niết-bàn”. Bờ kia rộng lớn là nói trong phẩm Đức Vương, trụ Đại Niết-bàn là nói trong phẩm Sư Tử Hống và Đại thừa Đại Niết-bàn nói trong phẩm Nhất Hạnh, đều là quả đạt được. Cho nên biết nói về nhân mà ý là ở quả. Thế thì ý của kinh là nói rõ về Tông, vì trong kinh chủ yếu là nói quả là sở chứng của người tu hành. Bác bỏ các Tỳ-kheo, dùng Viên để bác bỏ Tiểu thừa. Giảng nói về chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, tức là thể do nhân quả hiển bày. Ba pháp tu kém hơn, tức là vô thường, sở phá. “Là củi phiền não”, vì hàng Nhị thừa, vô minh hoàn toàn vẫn còn; Ba pháp tu cao tu tức là nhân quả hiện tại. Niết-bàn thực tức là lý sở chứng, phần lý hay cực lý đều gọi là thực (thức ăn). Bốn chúng tức là bốn mươi nhân chân thật. Tức vị ngọt ưa thích, vì trí năng chứng lý cho nên dụ cho cam thị (món ngọt). Thực tế tu hành, tức thật chứng tánh thể ấy mà tu nhân đến quả. Pháp thường v.v... tức là cảnh sở chứng, Phật là trí năng chứng”. Vì sao có thêm bớt? Tăng thì đến hai, ba giảm thì hai còn một. Bỏ sự theo lý, là các Tỳ-kheo bỏ các hạnh Tiểu thừa mà đối với Phật xưng tán lý quán ba tu khổ, vô thường, vô ngã của giáo khi xưa, cho nên kinh nói: “Thí như trong các dấu chân thì dấu chân voi là lớn nhất. Tưởng Vô thường này cũng như thế. Nêu lên lý cao siêu để phá lý kém hơn, khổ, vô thường v.v...” là lý kém sút, Thường, Lạc, Ngã là lý cao siêu. Hỏi: Vì sao chỉ nói ba tu? Đáp: Không muốn lạm bàn đến quả chứng ngộ, vả lại nay chỉ nói về nghĩa tu cho nên không nói thêm, nhưng đã có thêm bớt do căn cơ nên lẽ ra tăng đến bốn”.

Hai là v.v... trở xuống là y cứ theo thứ lớp năm hạnh để nói về nhân tu tập. Đầu tiên gọi là giới định tuệ”, vì trong năm hạnh, thì Thánh hạnh đứng đầu cho nên gọi là Sơ Thánh hạnh không ngoài ba thứ, cho nên nêu lên giới, định, tuệ. “Nhà như lao ngục v.v...” trở xuống: Đoạn này lần lượt giải thích, đoạn văn đầu tiên là nói về Giới Thánh hạnh, tức kinh ghi: “Tại gia không có gì vui sướng, chỉ như lao ngục, xuất gia an nhàn như hư không xa rộng vô cùng”. Văn nói Phạm hạnh không phải chỉ cho bốn loại phạm hạnh, mà chỉ cho xuất gia là phạm hạnh, vì là những nhiệm ô của trần thế. Đây là nói về Giới Thánh hạnh. “Từ đầu đến chân v.v...” là nói về Định Thánh hạnh, đây là thiền định đặc biệt

thù thắng, văn dẫn tuy tóm lược mà đầy đủ nghĩa có tu có chứng. “Từ đầu đến chân là chỉ cho tu; từ “chỉ có v.v..” trở xuống là chỉ cho chứng. Chứng loại thiền đặc biệt này khai mở thân bốn đại này, mà thấy thân mình có đủ ba mươi sáu vật. Quán sát trở xuống, là nói về Tuệ Thánh hạnh. Có bốn thứ tuệ hạnh, đầu tiên là quán tám khổ... là sinh diệt, kế đến, là vô sinh, rồi vô lượng và cuối cùng là vô tác, đều có thể nhận thấy trong văn. “Như kinh”, là chỉ cho quyển mười một kinh này. “Đắc hai mươi lăm Tam-muội, tức quả tuệ hạnh đạt được là do tu tuệ hạnh, nghĩa là ở giai vị Vô úy đạt được hai mươi lăm Tam-muội, tùy cơ lợi ích chúng sinh. “Phần chứng ba đức gọi là trụ Đại Niết-bàn, hướng chi đạt được công đức như Phật”, là nêu lên phần chứng quả để so sánh với cực quả. Từ cạn đến sâu, nhân là cạn mà quả là sâu. Nói lên chẳng phải nhân, chẳng phải quả, dùng sự của nhân quả để hiển bày lý song phi (hai lớp phủ định). “Đức Vương, v.v... trở xuống là nói về năm hạnh, là y cứ theo tu hành, còn mười đức thì dùng để làm rõ về chứng. Cho nên phẩm kia có ghi: “Bồ-tát tu hành Đại Bát-niết-bàn, chứng mười thứ công đức”, nhưng năm hạnh cũng gồm cả chứng, mười đức cũng gồm cả tu, bỏ phụ giữ chánh, phân biệt thành hai trong số ký đã nói; “Bốn đại như cái rương, Đại như rắn độc, thân như hòm rương, bốn đại thành thân như rắn độc trong rương”. “Năm ấm như sự nguy hại”, kinh ghi: “Năm kẻ Chiên-đà-la vung đao đi theo”. Văn kinh nói rất rộng không thể ghi hết. “Cắt dòng”, dòng dụ cho phiền não sinh tử. Từ nhân gọi là sông phiền não, từ quả thì nói là dòng sinh tử. Trong kinh có nói về sáu con sông là: Phiền não, sinh tử, nghiệp thiện, nghiệp ác, Phật tánh và Niết-bàn.

“Đầu tiên từ thiếu dục tri túc ... tức quyển hai mươi lăm kinh này lần lược nêu ra mười việc là ít muốn, biết đủ, tịch diệt, tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh tuệ, giải thoát, khen ngợi giải thoát và dùng Niết-bàn hóa độ chúng sinh. Nay chỉ lược nêu một, hai và mười, nên gọi là cho đến. “Lại siêng năng tu tập giới hạnh v.v...”, là văn trích dẫn trong quyển thứ hai mươi chín kinh này. Kinh ghi: “Nếu thấy có giới, giới tướng, giới nhân, giới quả, giới thượng, giới hạ, giới tụ, giới nhất, giới nhị, thử giới, bỉ giới, giới diệt, giới đẳng, giới tu, giới giả, giới Ba-la-mật. Nếu có người thấy như thế, thì chẳng phải là tu giới”. Giải thích rằng: “Thấy có giới thể, có giới tướng là phòng phi chỉ ác, khi tu gọi là nhân, khi thành gọi là quả, Thánh là bậc thượng, phàm phu là bậc hạ, nhiều giới gọi là tụ, chung là một, riêng là hai, mình là đây, người là kia, dứt trừ lỗi lầm gọi là diệt, những điều thiện khác gọi là đẳng, tu tập

bảy môn trên gọi là giới tu, người tu gọi là tu giả, giới có công năng đưa đến quả gọi là Ba-la-mật. Người thấy các tướng như thế gọi là chẳng tu giới. Vì văn này hiển bày tướng tu, cho nên nói chẳng thấy. Định tuệ v.v... cũng như thế, nghĩa là định, định tướng, định nhân, định quả v.v...”, cũng giải thích như giới. Từ đầu đến cuối, đầu là nhân, cuối là quả. Chỗ nào chẳng vận chuyển, chỗ nào chẳng gồm thâu được, nhân lớn quả lớn thì nơi nào chẳng gồm thâu, cho nên nói nhân chuyên chở muôn điều lành, quả thì bao gồm muôn đức. Nhân quả dung thông, tức sự mà lý. “Tất cả v.v...” nhân tròn, quả đủ, đầy khắp dung nhiếp tất cả, gọi là người vô ngại, chúng sinh và Phật không khác, gọi là nhất đạo, tu chứng như thế thoát khỏi hai thứ tử. Hoặc tu mười tướng, cho đến tri dục là lời trong quyển ba mươi bốn kinh này, ghi rằng: “Nếu Bồ-tát, bốn chúng tu hành mười tướng, thì nên biết những người này sẽ đạt được Niết-bàn, mười tướng là tướng vô thường cho đến tướng vô ái”. Tri căn tri dục, kinh ghi: “Bồ-tát đối với ba mươi bảy phẩm mà biết căn, biết nhân, biết nhiếp, biết tăng, biết chủ, biết đạo, biết thắng, biết thật, biết rốt ráo, thì được gọi là thanh tịnh phạm hạnh”, Kinh lại ghi: “Ba mươi bảy phẩm, chủ yếu là nhân của dục, gọi là minh xúc v.v...”. Vì thế, nay văn này gọi Tri căn Tri dục. “Tiếp Tiểu thừa, tiếp Thông giáo”, Tiểu tức Tam tạng giáo, dùng pháp viên thường để dắt dẫn hai giáo Ba thừa. Đây là y cứ vào chung để dẫn dắt, cho nên nói là “Tiếp tiểu”, nếu nói tiếp cả ba thì chẳng chung với sáu độ của Bồ-tát thừa và hai giáo Nhị thừa, việc này có nói rõ trong số ký. “Từ Tiệm vào Đốn” là trước Thập địa là Tiệm, nhập vào Sơ địa trở lên là Đốn.

“Cho nên kinh nói v.v...”. trở xuống là dẫn văn kinh trong phẩm Ca-Diếp để chứng minh cho ý Biệt giáo; gốc đã lập thì đạo phát sinh, gốc Niết-bàn đã lập, thì các hạnh lại sinh. Vậy Niết-bàn chỉ là gốc của các hành thôi sao? “Như không có v.v...” trở xuống là như không có giếng mới thì mất lối không thể lập được. Giếng mới và da dụ cho Niết-bàn; mất lối và lông dụ cho các hành; mẽ nghĩa là không quan trọng là ở thường, tuy phá nghiêng chấp lần lượt viên dung ba hạnh khác nhau, mà quả thường không khác nhau. Cho nên văn kinh trước ghi: “Tuy cả ba khác nhau, nhưng đều lấy Thường làm Tông”. “Các hành đều hội về thường, hành tức là nhân, thường tức là quả. Có thể hiển bày, lý được hiển bày từ quả, tức là nghĩa của Tông bản đã nêu ở trước, cho nên biết gốc của Tông là y cứ theo lý, còn Tông chủ yếu y cứ theo trí, hỗ trợ Tông thì y cứ theo hành, do đây mà tìm văn nghĩa thì không điều gì chẳng sáng tỏ. Thất diệu tức là mặt trời mặt trăng và năm

sao. “Bắc thần”, Kinh Châu Tinh Chiêm ghi: “Bắc thần gọi là Thiên quan, là Bắc cực, Bắc cực tức là Thiên tọa của Tử cung (cung điện màu tím)”. Luận Ngữ ghi: “Trị dân phải dùng đức, thí như chỗ của Bắc thần chiếm, thì các sao khác vây quanh”. Giống như muôn sông... Thượng Thư ghi: “Sông Giang, sông Hán đều đổ ra biển Đông”. Thất diệu muôn sông dụ cho hành, Bắc thần, Đông hải dụ cho Trí.

“Hoặc người v.v... trở xuống là nhân, Lý, Giáo, Hạnh đều giúp đỡ, khiến cho phần chân, cực quả thường trí được khai phát. Tức là nương vào người mà nghe giáo, nương vào giáo để tu hành, nhờ hành mà khế hợp với lý; từ bốn pháp này mà chứng đắc phần chân cho đến cực quả. Cho nên nói do giúp đỡ mà có được sức lực. Hoặc do đạo giúp đỡ, Đạo tức là lý, cũng là dùng Thiên nhân, thiên Giáo v.v... để giúp đỡ, như trong phần đối trị trợ khai của chỉ quán có nói. “Như vãi thô xấu...” tức là dụ trong kinh Như Lai Tạng. Kinh ghi: “Như có người mang tượng vàng ròng đến một nước khác, dùng vải dơ ướ, thô xấu bọc lại ném ngoài đồng, người có Thiên nhãn nhìn thấy bảo mọi người bỏ vải dơ hiện ra tượng vàng ròng, tất cả đều vui mừng. Thiên nhãn của Ta cũng giống như thế, thấy chúng sinh kia bị nghiệp ác phiền não trói buộc chịu nhiều đau khổ, sinh tử, lại thấy chúng sinh kia ở trong vô minh bụi nhơ, mà tánh Như Lai vẫn bất động, không hề bị hủy hoại”. “Hạt châu trên trán lực sĩ...” là dụ cho kinh này. Hạt châu trên trán thì như kinh đã dẫn ở đoạn trước. Phẩm Như Lai Tánh trong kinh Bảo Tạng ghi: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh từ trước đến nay thường bị phiền não che lấp, cho nên chúng sinh không thể thấy được; như cô gái nghèo trong nhà có kho vàng ròng, kẻ lớn người nhỏ trong nhà, chẳng ai biết được”. “Trong giếng v.v...” trở xuống: Kinh ghi: “Như trong ngôi nhà tối có giếng nước và vô số châu báu, mọi người đều biết là có, nhưng vì tối cho nên không thấy, có người khéo léo thấp đuốc chiếu sáng ngôi nhà, nên mới thấy được. Người này chắc chắn sẽ không nghĩ rằng nước và hạt châu xưa nay không có, Niết-bàn cũng như thế, vốn tự có, chẳng phải nay mới có. Các đức Đại trí Như Lai dùng phương tiện khéo léo, thấp đèn trí tuệ, khiến các Bồ-tát thấy được Niết-bàn”. Chánh nhân Phật tánh nương vào chúng sinh này, vì tâm thần không đoạn diệt. Nhưng y cứ theo.... nghĩa là lý ấy vốn chỉ có một, nhưng y cứ theo thời gian thì có hai, cho nên nói: “Việc trong hai thời”, chữ Dị mà viết chữ Nhược là sai. “Vốn có v.v...” trở xuống: Lúc khởi đầu tuy chưa có việc đương quả, nhưng có lý đương quả, Thời mà viết là Trợ (giúp đỡ) là sai. Kim tâm tức Đẳng Giác, Chủng Giác tức Diệu Giác. Nói trong sữa dụ cho chúng



sinh, lạc dụ cho Phật tánh, đun khuấy dụ cho sự tu hành. Chữ Dao (rượu) lẽ ra phải viết chữ Lao (khuấy), nghĩa là muốn trở thành lạc phải khuấy sũa. Ứng Pháp sư ghi: “Nên viết là Kiểu, là lên men rượu”. Văn kinh phần nhiều đọc chữ Dao (rượu) là Lao. Tam Thương thuyết văn đều cho là rượu có cặn (rượu đục), Dao chẳng phải tự thể; mè dụ cho chúng sinh, dầu dụ cho Phật tánh, ép dầu dụ cho tu hành. Xét hai đoạn văn này, tức là đoạn văn trong phẩm Như Lai Tánh nói về chúng bản hữu, và đoạn này trong Sư Tử Hống và phẩm Ca-diếp nói về chúng Đương Hữu. “Lại dẫn các loại gỗ đá...” phẩm Ca-diếp ghi: “Chẳng phải Phật tánh nói là Phật tánh, chẳng phải Phật tánh tức là tường vách gạch ngói”. Các vị Sư này chỉ biết lược bỏ văn nói về gỗ đá, mà đâu biết lý y chánh dung nhiếp lẫn nhau. Nên biết gỗ đá, bụi côi đều do tâm biến hiện, đương thể tức tâm, tâm ta thành Phật thì sát trần đều thành Phật. “Đâu có cây gỗ nào ở riêng ngoài tâm, cho nên, chẳng có các dụng bản hữu” nghĩa là chỉ biết chúng sinh, có các dụng bản hữu, còn gỗ đá thì không, mà đâu biết rằng trong nhân đã có lý y báo chánh báo dung nhiếp nhau, trên quả đã có các sự y báo, chánh báo dung nhiếp nhau. Trong nhân đã có quả, bác bỏ sự giải thích kia, cũng đồng như ngoại đạo. Nếu tương tục thường, vì nhân nối nhau mà đạt đến quả. Lẽ ra cũng vô thường, vì người kia không biết yếu chỉ hai chim cùng bay, nên mới có câu hỏi này, nếu đạt được yếu chỉ “hai chim cùng bay”, thì thường và vô thường đều là lý sẵn có. “Liễu nhân rõ bản hữu v.v...” Liễu nhân là trí chiếu tánh bản hữu, như đèn chiếu vật, sinh nhân là phước từ nhân đến quả, như đất nặn thành bình. “Ngao cò v.v...” trở xuống: Nay Sư bác bỏ hai nhà giải thích trên. Bên chuyên chấp, thì không chấp nhận chuyên phá, bên chuyên phá, thì không chấp nhận chuyên chấp; cả hai tranh cãi nhau như ngao cò, đều bị Sư là ngư ông bắt sống. Phần Hậu Ngũ thứ mười trong kinh Xuân Thu ghi: “Nước Triệu sắp đánh nước Yên, Tô Đại vì nước Yên đến bàn với Triệu vương rằng: Thần từ xa đến đây, lúc đi ngang qua một dòng sông nhỏ, thấy một con ngao vừa há miệng ra, thì bị một con cò mổ vào thịt của ngao, ngao liền khép vỏ kẹp mổ cò, cò nói: Ngày nay không mưa, ngày mai không mưa sẽ thấy ngao chết khô, ngao thấy vậy cũng bảo cò rằng: “Hôm nay không mổ, ngày mai không mổ thì cò sẽ chết”. Cả hai chẳng ai chịu thả ai, ngư ông thấy vậy bắt sống cả hai. Nay Triệu đánh Yên, Yên Triệu giao tranh, dân chúng cực khổ, binh lính mỗi mệt, thần e rằng có một ngư ông là nước Tần cường thịnh đang chờ bắt. Vì thế, xin Đại vương xét kỹ”. Vua Triệu nghe thế bèn không đánh Yên.

“Nay nên v.v...” trở xuống là bác bỏ cả hai nhà. Đầu tiên y cứ theo lý chẳng phải ba thời để bác bỏ thuyết chuyên chấp, kể đến y cứ theo bốn thuyết về hợp duyên để bác bỏ thuyết chuyên phá. Trong đoạn văn đầu tiên nói chẳng phải yếu chỉ của Tam tạng giáo và Thông giáo, đó là vì tên gọi Phật tánh chẳng thuận với hai phái này. Người thợ mộc giỏi tính toán thì mặc tình mà sử dụng, quĩ tức là độ (so lường, tính toán). Tả Truyện ghi: “Núi có cây, người thợ mộc đo đạc tính toán”. Dưới ba chữ “Hữu mộc nhậm” thiếu chữ Dụng. “Sác dụng”, Ty Thương ghi: “Giáo dài một trượng tám thước”, hoặc gọi là Sóc, chữ thường dụng. “Phật liên phá bỏ”, đây là đoạn văn phá định tánh trong phẩm Sư Tử Hống. Thần trực vi khúc, viết Thần là lằm, lẽ ra phải viết là ủy (uốn ép). Sơ Trần-như Phẩm ghi: “Lúc trước đoạn cây cong thì làm khung cửa, nay uốn thẳng để làm giường, lúc trước đoạn cây thẳng thì làm giường, nay uốn cong làm khung cửa. Nếu chuyên v.v...” trở xuống là y cứ theo bốn thuyết hợp duyên để bác bỏ các nhà chuyên phá. Là pháp giới chư Phật, pháp giới cùng khắp, bốn môn dung nhiếp nhau. Các nghĩa xưa v.v...” trở xuống: Nay bốn câu dung nhiếp khác nhau, các cựu Sư mỗi vị đều có sở chấp, tại y cứ theo lý, nếu chẳng phải bốn câu thì khác với các nhà chuyên chấp, mà tùy cơ nói bốn câu thì không đồng với các nhà chuyên phá. Cả hai nhà này đều bị phá. Nên dứt hết hoặc nghiệp, Hoặc cần phải dần trừ, lý thì nên đốn ngộ. “Chẳng thể cùng lúc v.v...” trở xuống: do trí dần dần đầy đủ cho nên lý dần dần được thấy rõ. Ba là v.v...” trở xuống: Các Sư này cho rằng quả Phật ở ngoài Nhị đế, cho nên lý (chân) có thể dần biết, quả nên đốn chứng. Đã thấy chẳng phải lý v.v...” vì dứt hoặc là do thấy được lý. “Lý đã thông suốt”; vì lý thể viên thông như hư không chẳng thể phân chia để biết. “Nếu đầu tiên v.v...” trở xuống: đoạn này lặp đi lặp lại để vấn hỏi. Đầu tiên đã có thể xứng hợp với sau cùng, tức là Đốn kiến, thì chẳng phải là sau mới thấy. “Đầu tiên chẳng xứng hợp với sau cùng v.v...” trở xuống nghĩa là đầu tiên thì cạn, sau cùng thì sâu. Vì đã có sâu cạn thì chẳng phải là Đốn kiến. Nhưng các Sư thứ hai chỉ chấp Tiệm kiến, e rằng họ bị nạn phá mà chuyển sang chấp Đốn. Cho nên mới có sự ngăn chặn này. Đúng như pháp quán Phật, Phật tức là quả Phật, Niết-bàn tức là chân đế, không giống với các Sư ở trước chấp Niết-bàn là Tục đế. Phật và Niết-bàn đã là một tướng, chẳng lẽ Chân lại Tiệm kiến, mà Phật lại đốn chứng hay sao? Dẫn kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm cho rằng ngay nơi Tục là Chân cho nên có thể phân biệt, quả ở ngoài Hoặc, chẳng tức sinh tử cho nên chẳng thể Tiệm chứng. Đã chẳng phải tức sinh tử, thì há chẳng phải là hư vọng

phân biệt sinh tử khác Niết-bàn hay sao? Vì quả Phật không có chứng ngộ, chỉ có chứng Niết-bàn thôi. Chân và Niết-bàn, vì quả Phật và Niết-bàn được chứng ngộ tức là chân đế. Y cứ theo đây có thể biết rằng các thuyết chấp quả Phật này không ngoài các Sư Nhị đế vạn hữu, như dùng thuyết của Sư để hội thông thì tất cả đều là nghĩa Thông giáo, nếu y cứ theo Đường giáo thì chẳng ra ngoài nhị đế, nếu căn cứ theo bị tiếp kiến Trung, thì vượt ngoài Nhị đế.

“Nay nói về các nhà giải thích v.v...” trở xuống là sắp nói nghĩa chính, trước phá các thuyết của cựu Sư chống đối nhau. Cho nên nói là theo đuổi nhau, do sự tranh luận này mà nước xao động, hạt châu diệu lý bị che lấp. “Nhưng lý thì v.v...” trở xuống: đoạn văn có thể chia làm hai phần, đầu tiên là nói về lý không có Đốn Tiệm. Kế đó Hữu nhân duyên” trở xuống, là nói về Tiệm Đốn tùy cơ, y theo lý thì không giống với các nhà chuyên chấp, theo cơ thì không giống với các nhà chuyên nạn phá. “Đâu có xứng với lý”, vì như lý mà hiểu mới gọi là trí, cho nên trí chẳng xứng lý thì đều là tà chấp. “Như vuông đặt vào tròn v.v...” trở xuống, như đục vuông lấp vào cán tròn, nên nói là không tương ứng. “Không thấy v.v...” trở xuống: Không thấy là y cứ theo lý, không chứng đắc là y cứ theo trí, đều chẳng phải Tiệm Đốn, vì năng sở như một nên chẳng thấy, chẳng đắc mà lại là thấy, là đắc. Ý nghĩa trong đoạn nói về Tông, tức là đoạn văn trước nói: “Đầu tiên phá vô thường mà tu thường, tức là dùng Viên giáo để tiếp Tiểu, tiếp Thông giáo, kế đó là dùng tâm Đại Niết-bàn tu Vô thường, rồi tu Thường, tức đầu tiên là tu theo thứ lớp Biệt giáo, sau cùng tức vô thường mà tu Thường, đó là hàng căn cơ viên đốn. Tuy có ba thứ khác nhau, nhưng đều lấy thường làm Tông, cùng quy về quả thường, hai giáo trước là Đốn Tiệm, một giáo sau là Đốn đốn. Tạng Thông được Tiếp và thứ lớp biệt giáo đã hội quy, thì hiển bày được giáo trước là Tiệm của Đốn; Đốn không có khác nhau, Tiệm thì có khác nhau cho nên xưa nói “khác nhau trong không khác nhau”; vì giải và hành đều Đốn nên gọi là Đốn đốn. Là quán bất định, gồm hai câu trước và sau là Tiệm tiệm,... tức là ba thứ chỉ quán. “Tiệm lại v.v...” trở xuống, nghĩa là y cứ vào câu Tiệm tiệm mà chia làm bốn câu, văn trước chỉ nói ba câu, ở đoạn này lại chia nhỏ thành Tiệm tiệm, cho nên văn trước bị thiếu. Ở đây chia nhỏ, vẫn còn thiếu ba câu, trước sau quan hệ, nêu lên được bốn câu đầy đủ. Tiệm tu tiệm kiến, tức là hàng đương giáo Tạng Thông, tu hành thấy chân; Tiệm tu đốn kiến là Bồ tát trước Thập địa của Biệt giáo, tiệm tu lên Sơ địa là Đốn kiến. Tiệm tu Đốn tiệm kiến, là Biệt giáo tiếp Thông giáo, tiếp quy về Địa tiền trở

thành Tiệm kiến, tiếp quy Đẳng địa thì gọi là Đốn Kiến. Tiệm tu chẳng phải Đốn tiệm kiến, tức Viên giáo tiếp Thông giáo, Biệt giáo, vì khác với ba giáo trước, nên chẳng phải Đốn Tiệm. Ba câu kia cũng có thể hiểu được nghĩa là Tiệm đốn, Đốn tiệm, Đốn đốn mỗi thứ đều chia làm bốn câu, có thể y cứ theo sự phối hợp giải thích về Tiệm mà hiểu được. Nay nói về bốn nghĩa trong Đốn đốn để chỉ bày cho hậu học. Đốn đốn tu mà tiệm kiến, tức là tu viên đốn mà chứng cảnh giới Ba thừa Tạng Thông. Đốn đốn tu mà Đốn kiến, nghĩa là viên tu viên thành, Đốn đốn tu Đốn Tiệm kiến, nghĩa là tu viên đốn, chứng đắc cảnh giới Bồ-tát Biệt giáo, Đốn đốn tu phi đốn tiệm kiến, nghĩa là vì y cứ theo lý cho nên cả hai đều chẳng đúng; cũng là phát sinh cảnh phiền não. Tác dụng chiếu cảnh, tức là trên tác dụng của Đương hữu đã có công năng chiếu cảnh. Sự tích lữ bị nát bậy trong miệng đã có nói trong sơ ký. Nên nói Như Lai chắc chắn là vô vi, Thể dụng đều là vô vi. “Đâu thể v.v...” trở xuống là quả trách thuyết của Dược Sư trái với kinh. “Quang Trạch v.v... trở xuống: Trí vô thường là trí của phàm phu, cảnh thường trụ là cảnh Phật, nghĩa là trí phàm phu quán Phật chẳng tùy theo cảnh Phật là thường trụ, thì nay Phật trí quán phàm phu há lại duyên theo cảnh phàm phu là vô thường hay sao? Đây cũng chẳng đúng. Đại Luận ghi: “Nếu như pháp quán Phật, Bát-nhã và Niết-bàn thì cả ba chỉ là một tướng, há chẳng phải trí phàm theo cảnh Phật là thường hay sao? Nếu đúng, thì trái lại trí Phật chạy theo tục cảnh là vô thường. Lập nghĩa chín đời chiếu cảnh, quá, hiện, vị lai mỗi đời đều chia làm ba. Muốn biết trí Phật không thay đổi, hãy y cứ theo ba đời vị lai mà nói. Lại có nghĩa đương hiện tại: đương tức là vị lai.

“Nay chạy theo vị lai v.v...” nghĩa là khi đến vị lai, thì vị lai thành hiện tại, còn hôm nay thành quá khứ cho nên nói là quá khứ. Ví như hôm nay nhìn về ngày mai thì ngày mai là vị lai, khi đã đến ngày mai, thì hôm nay đã thành quá khứ, nếu hôm nay lại biết việc ngày mai thì gọi là “biết tất cả việc trong ba thời” vì hôm nay là hiện tại, ngày mai là vị lai, vì ngày mai nhìn lại hôm nay là quá khứ. Đã trong một niệm chiếu soi cùng khắp, cho nên chẳng nên duyên theo cảnh sinh diệt. Cách giải thích này cũng không đúng, nay bác bỏ. Chiếu Đương trí đã dứt, vì nay chiếu tức là chánh hiện tại. Hưởng tức là Đương hiện tại trí đã dứt. “Chẳng sinh diệt hay sao?” Chiếu đương trí đã diệt, chiếu hiện trí mới sinh đó chính là vô thường. Trong văn nói chiếu đương trí, nếu viết Tri là sai. “Nghịch chiếu”, quán ngược về quá khứ gọi là nghịch chiếu. Nhà lập nghĩa chín đời ở trên y cứ theo ba thời của vị lai là thu-

ận chiếu Từ đầu tiên lưu chuyển đến, Lưu chuyển đến là khởi đầu của việc mê chân khởi vọng. Nhà vua lên ngôi, Dịch Vĩ ghi: “Thiên tử, là hiệu của Đấng Chí Tôn, kế thừa trời mà cai trị muôn vật, sửa đổi chính trị, thống nhất một mối, mỗi vị vua đều có khuôn phép thay trời làm cha, thay đất làm mẹ để nuôi dưỡng con người. Rốt cuộc không hợp với cảnh, cảnh thể thường chiếu, trí thể cũng như thế, nếu sau mà chẳng chiếu thì đâu thể hợp với cảnh.

“Khi Phật còn ở nhân vị v.v...” trở xuống: Ở Địa tiền là lúc tu nhân. Đạo phát sơ tâm: Tức dẫn dắt, khai phát chúng sinh mới phát tâm, lúc bấy giờ tâm Ngài chiếu suốt ngang dọc, nhưng lực dụng còn yếu kém chưa thể cùng khắp, cho nên nói số cảnh, số thời, số tức là ba, bốn, năm nếu y cứ vào đoạn sau nói rằng trăm ngàn muôn xoay vần mà tăng tiến, thì số hợp với mười cảnh, nghĩa là mười phương, cho nên gọi là Ngang, thời là ba thời cho nên gọi là Dọc. Treo gương trên đài cao. Lương Nguyên Đế Giảng Học Bi ghi: “Xem rõ gương treo trên nhà cao kia, bưng chén đứng ở ngã tư, đợi rượu”. Hoặc viết Đường thành Đài là sai. “Muôn vật ở tại không”, muôn vật dụ cho cảnh, hư không dụ cho trí Phật. Huống chi ba Đế tức nhất đế..., Đế và Trí tức ba tức một, đã là tương tức, thì há sở chiếu là tục cảnh, năng chiếu là tục trí, là vô thường hay sao? Bậc thánh trong nhân vị là Bồ-tát Sơ địa trở lên. Vừa thâm hợp vừa khế hội. Minh là y cứ theo thể nhất, Hội là y theo khế hợp. Minh và Hội ý nghĩa khác nhau. Thứ hai v.v... trở xuống giải thích rằng: Các Sư lập nghĩa, phá nghĩa thâm hợp nhất của Khai Thiện. Hai thể đã khác, trí Phật có biết, chân đế không biết, biết và không biết khác nhau, cho nên nói là Thể khác nhau. “Há có thể v.v...” trở xuống là trách Khai Thiện. “Chỉ hiểu, v.v... trở xuống là biểu thị nghĩa của mình lập; hội đã cùng tốt thì thành thâm hợp. Không dùng thể nhất làm thâm hợp. Tuệ Ấn v.v... dẫn chứng nghĩa Hội cực là thâm hợp, tịch diệt cũng thâm hợp. Triệu Luận v.v... trở xuống: Đây là văn trích trong thiên Bát-nhã vô tri của Triệu Luận. Cho nên Luận ấy ghi: “Dụng tức Tịch, Tịch tức Dụng, Dụng và Tịch là một thể. “Đức Phật tuy biết huyễn”, là như trong kinh, có vị Trưởng giả hỏi Phật rằng: “Cù-đàm biết huyễn thì lẽ ra là người huyễn mới phải?” Đức Phật hỏi lại rằng: “Ông biết Chiên-đà-la, vậy ông có phải là Chiên-đà-la hay không? Nếu không thì Như Lai biết huyễn, cũng đâu phải là người huyễn”. Nếu thế thì v.v...” trở xuống y kinh để bày nghĩa, phải biết trí trung đạo chiếu cả hai (song chiếu), đương thể ngăn cả hai (song giá), cho nên biết Tục mà chẳng thâm hợp Tục, biết Chân mà chẳng đồng chân. Thứ ba là Đương hữu khởi dụng.

Chánh văn phần trước sắp xếp chương cú, thì ghi tự tại khởi dụng, ở đây lại ghi Đương hữu, nghĩa là phần thứ ba dựa nhau thế cũng làm sáng tỏ nghĩa nên gọi là Đương hữu khởi dụng. Xem lại chương trước, ghi là “hiện thành cho nhau” trong số, loại ví dụ này rất nhiều, hoặc sửa đổi văn, Đương hữu ghi là tự tại là sai. “Vả lại, y cứ theo ba loại v.v... trở xuống tức là Ba luân trong việc giáo hóa. Chẳng thể nghĩ bàn tức là núi Tu-di nhét vào hạt cải, đây là Thân luân hiện thần thông, hai chim bay lượn là song chiếu; Thường và vô thường, tức là tâm luân. Soi xét cơ tà chánh, thiện ác là song nhiếp, nghĩa là Thánh giáo v.v... mang đến đã đầy đủ, tức là khẩu luân nói pháp. Về dụng Bất tư nghị. Trong phần nói về thân mật, phẩm Tứ Tướng, kinh Niết-bàn có ghi: “Này người Thiện nam! Đại Niết-bàn này có lập nghĩa Đại, các ông phải nên dốc lòng lắng nghe! Ta sẽ giải thích đầy đủ, chớ nên nghi sợ. Nếu có vị Đại Bồ-tát trụ đại Niết-bàn, thì có thể nhét núi chúa Tu-di to lớn như thế vào trong hạt cải. Các chúng sinh cư trú trên núi chúa Tu-di cũng không cảm thấy bị chật chội, cũng không thấy tướng qua lại, vẫn như cũ không khác, chỉ có người được độ, thấy Bồ-tát nhét núi Tu-di vào trong hạt cải rồi trả về chỗ cũ. Đó gọi là Dụng Bất khả tư nghị, như thế xưa nay có bảy nhà giải thích khác nhau. “Một, giải thích rằng, v.v... trở xuống là lần lượt nêu ra nghĩa của bảy nhà. Sao lại cho là thần thông? Nếu chúng sinh thấy được thì đâu thể bàn nói thần thông của Bồ-tát, huống chi kinh đã dạy: “Cao lớn như thế, mà đặt vào hạt cải”, mà các Sư này lại nói rằng: “Thật sự chẳng có vào”, thật trái với lời Phật. Ba giải thích là v.v...” trở xuống đây là các Sư tông Thành Thật lập nghĩa giải thích, dưới là phần số văn giải thích phẩm Tứ Tướng, để phá nghĩa của các Luận sư này là: “Phương tiện khéo léo của bậc Thánh, phàm phu không thể biết được”, cho nên họ nói: “Đã không thể nghĩ bàn. “Ngoài ra..” trở xuống: Những điều khác, lời kinh nói, đều là cảnh giới của bậc Thánh, mà đã có thể giải thích nghĩa thì có thể nghiệm biết được, đâu có thể đối với phương tiện khéo léo, mà nói là không thể biết? Tiểu Đại đều không, nghĩa của Trường Sa giống với nghĩa này, tụng rằng: “Tu-di vốn chẳng thật có, hạt cải xưa nay không, đặt không vào chẳng có, chỗ nào chẳng dung nhau”. “Nếu là đúng v... “ trở xuống, là phần nạn phá nghĩa trên. Đại tiểu dung nhập vào nhau chính là nói về sự dụng, thì chẳng nên dùng lý giải Không để giải thích. “Trong lớn có tánh nhỏ”, Tu-di có tánh hạt cải nên có thể nhỏ. “Trong nhỏ có tánh lớn”, hạt cải có tánh Tu-di nên có thể lớn. “Thuyết này cũng v.v...” trở xuống là phá thuyết này, có ba điều sai lầm: Một là giống ngoại đạo, hai là giống

Tiểu thừa, vì chấp tánh nhất định nên dù cho chẳng phải ngoại đạo thì cũng đồng với nghĩa của Tiểu thừa hữu môn, cho nên nói tựa như Tỳ-đàm; ba là không thành diệu dụng, cho nên nói: lại là Đại dụng Tiểu nghĩa của các Sư Địa Luận lại giống với nghĩa của các Sư thứ tư. Hưng Hoàng cho là pháp tánh vốn không, dứt bật các tướng Đại Tiểu, cho nên nói vốn không có Đại Tiểu, Thế đế đối đãi giả dối, mà nói có Đại Tiểu, thật ra Thế vẫn không khác, chỉ là một pháp hữu vi. Tiểu là tiểu của đại, hạt cải là tướng Tiểu của Tu-di. Đại là Đại của Tiểu, Tu-di là tướng Đại của hạt cải, ở trong một pháp hữu vi mà có hai tướng này, thì đâu ngại gì không dung nhập nhau, cho nên nói rằng “được tướng dung” “Lớn chẳng tự là lớn,...” nghĩa là Tu-di tự nó không có tướng Đại, phải đợi có tướng nhỏ của hạt cải mới thành tướng Đại; Nhỏ chẳng phải tự là nhỏ... hạt cải tự chẳng phải tướng nhỏ, đợi có tướng lớn của Tu-di mới có tướng nhỏ, vì thế rơi vào chấp trước Tha tánh của ngoại đạo.

“Tự tánh” trở xuống là nêu lên thuyết của Sư thứ năm để so sánh bác bỏ Hưng Hoàng. Sư thứ năm giải thích rằng trong lớn có tánh nhỏ, trong nhỏ có tánh lớn, tức là tự tánh lớn nhỏ, nghĩa ấy rất khéo, còn bị ta phá, huống chi nghĩa này thuận chấp tha tánh, ý nghĩa rất kém? “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là nói về hai nghĩa của Sư, một là y lý khởi dụng, hai là dụng cùng khắp pháp giới, vì phân chứng Diệu lý, cho nên có Đại dụng mà tự tại ứng cơ, cùng khắp mười cõi; Văn được chia làm hai: Đoạn một cũng chia làm hai, đầu tiên nói về lý dứt bật bốn chấp, vì tướng nhỏ của hạt cải, tướng lớn của Tu di cả hai đều là Sự, mà Sự tức Lý, và dứt bật bốn tánh, há lại giống với các Sư kia hay sao? Trong văn, đầu tiên nói về Tiểu, kể đến dùng Đại làm dụ, trong đoạn nói về Tiểu, câu đầu nói chẳng phải tự sinh. “Cũng không v.v...” trở xuống là nói chẳng phải tha sinh. Đại chẳng phải v.v...” trở xuống hai câu này thuộc về suy Đại, nhưng do tương đối mà có nên dùng đoạn này để suy luận tiểu, đến đoạn sau nói “Đại cũng như thế” mới chính là nói về Đại. Vì nhân duyên cho nên có Đại tiểu, nói về không cộng sinh, nên biết hai chữ cũng không ở câu trên thông xuống ý dưới. “Cũng chẳng v.v...” trở xuống nói chẳng phải không có nhân sinh. Chẳng ở v.v...” trở xuống là dẫn kinh để chứng minh rằng lý dứt bật bốn chấp, bên trong thuộc mình, bên ngoài thuộc về người tha; ở giữa và hai bên thuộc cộng sinh, thường tự có thuộc, không nhân sinh do diệu lý này vốn dứt bật bốn chấp, cho nên chẳng thể dùng tâm để suy nghĩ luận bàn. “Đại cũng v.v...” trở xuống là nói đại nêu tiểu có thể biết được, cho nên nói cũng như thế: “Thông đạt v.v...” trở xuống là nói về việc y cứ vào lý khởi

dụng. Thông đạt được lý này, tức thông đạt được lý dứt bật bốn chấp nói ở trước; “Tức sự mà chân”, đạt được Sự đại tiểu, tức là lý thật tướng. Chỉ ứng hợp với người được độ, tức là người năng cảm, thấy không thể nghĩ bàn, tức là sự năng ứng, do đường cảm ứng giao nhau mà thấy được. Lớn nhỏ đều nói chẳng thể nghĩ bàn, vì Tu-di lớn, hạt cải nhỏ, đều do tâm biến hiện, đều do tâm tánh, mà tâm tánh này vốn đầy đủ, y vào chánh vậy, tâm tánh đã một thì cùng tương nhập đâu có gì nghi ngờ? Chỉ do mê thì không có Dụng bên ngoài, lý này hiển bày thì dụng xoay chuyển vô cùng, trong thì quả trụ Lăng-nghiêm, ngoài thì lập ra đại nghĩa. “Như kinh đã nói”, tức phẩm Tứ Tướng; “Đã một lần nói về v.v...” trở xuống là nói về Dụng khắp pháp giới. Dụng ở Đạo hậu v.v...” trở xuống chỉ hiện biến ở cõi Phật. Lý ấy thật thông đạt, nghĩa là cùng khắp mười cõi, cho đến hiện thân ở địa ngục v.v...”

“Cho đến v.v...” trở xuống là dùng ví dụ các dụng thiện ác v.v...” uống cũng khắp cả Bồ-tát mười cõi. Là chánh, v.v...” trở xuống tức nói về tà chánh của chín cõi đều là cõi Phật. “Thuộc chẳng phải tà, chẳng phải chánh v.v...” trở xuống là nói về thiện ác, ý nghĩa so sánh như thế. “Ba cõi v.v...” trở xuống là nêu lên dụng hai chim cùng bay, cũng cùng khắp mười pháp giới. Ba vô vi thường này, nghĩa là Hư không, Trạch diệt và Phi trạch diệt, nêu chung là ba, thật ra chỉ là chứng Trạch diệt vô vi, như số ký dùng Chân không dụ cho sinh tử, cho nên chân không gọi là thường.

“Lại Nhị thừa v.v...”, trở xuống là Bồ-tát phá Không xuất Giả, Không đã được phá, cho nên nói Nhị thừa vô thường, Bồ-tát là thường. Dụng củathường và vô thường, đầu câu nên có chữ nhị (hai) tức là phần phân chương ở trước gọi là hai, là Dụng của hai chim cùng bay. Đầu mất hai bên, thể của trí Trung, chẳng thường chẳng vô thường, cho nên nói đều mất, ngay nơi mất mà chiếu, hai bên đều Dụng, mà Dụng lại có hai khác, một đồng, như phẩm Điều Dụ dùng đôi uyên ương cùng bay, cùng nghỉ, để dụ cho hai Dụng của Niết-bàn đồng thời. “Trước sau v.v...” trở xuống là hai đơn Dụng, như đoạn trước dùng vô thường phá tà thường. Nay kinh dùng chân thường phá vô thường và dùng việc chữa lành bệnh để thí dụ. “Thích nghi một v.v...” trở xuống là kết luận nêu hai ý, tức khi dụng tuy là một nhưng đối với ý Phật thì cả hai cùng lúc, cho nên đơn Dụng chẳng mất nghĩa hai chim cùng bay (song du). Vì Dụng tự tại, Đơn và Đồng thời lại thích hợp. “Thiện ác...” ví dụ việc nhiếp thiện hay nhiếp ác cũng là Song du, đầu ngại gì có Đơn, Kép khác nhau, cho nên nói hoặc Song dụng hoặc tiền hậu.



“Tà tức ngoại đạo...” đầu phẩm Kiều-trần-như, Đức Phật mới dạy Tỳ-kheo Kiều-trần-như nói năm ấm thường trụ, quy kết về hạnh chánh quán, xả bỏ sắc vô thường mà đạt được sắc thường trụ v.v...”, nếu biết được như thế, thì gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, phá bỏ ngoại đạo lường dối tự xưng, đều chẳng thực hành. Ngoại đạo nghe lời Thế Tôn dạy tâm sinh sân hận, bèn vặn hỏi luận nghị, có mười ngoại đạo, ngoại đạo thứ mười là Hoàng Quảng. Vì là người phương tiện, cho nên thuộc về chánh; kinh ghi: “Vị Bà-la-môn này, đã phát tâm Bồ-đề vào thời Phật Phổ Quang Minh ở kiếp quá khứ, đã thông đạt rõ biết tướng các pháp, vì hóa độ chúng sinh nên thị hiện sống theo ngoại đạo”. “Tà tức là các ma v.v...” Kinh ghi: “Thế Tôn biết rồi, liền hỏi Kiều-trần-như rằng: Tỳ-kheo A-nan bây giờ ở đâu? Đáp Tỳ-kheo A-nan đang ở trong rừng Ta-la, cách đây khoảng hơn mười hai do-tuần, bị sáu mươi bốn ngàn ức ma làm nã”. Điều bình đẳng nhiếp phục, nghĩa là không chỉ nhiếp phục Trần-như mà A-nan cũng được nhiếp hóa, các ma và ngoại đạo cũng được Như Lai nhiếp hóa trở về trong Bí tạng. “Nếu ai thấy được ý này...”, nghĩa là thấy ba ý là không thể nghĩ bàn. “Đầy đủ ba ý này” là có đủ Dụng tự tại. “Tứ tùy”, Thiên kinh gọi là Tùy, Đại luận gọi là Tất, nghĩa là tùy lạc dục, tùy tiện nghi, tùy đối trị và tùy đệ nhất nghĩa. “Trụ Thủ-lăng-nghiêm tức là phần trụ và rốt ráo trụ, đều có thể khởi dụng ở mười cõi, cho nên nói thị hiện các thứ tuy suốt ngày thị hiện mà chẳng lìa Lăng-nghiêm, nên gọi là pháp tánh Bất động. Những người thấy nghe, những người thấy hình tướng hoặc nghe âm thanh đều được bốn lợi ích. “Nếu chỉ nói bản dụng tức là thể”, vì bản dụng là tại lý cho nên thuộc về Thể. Đương Dụng, là ở tại quả, cho nên thuộc về Tông. Tự tại hóa độ cho nên thuộc về Dụng. “Tay tuôn ra sữa hương sắc”, đây là lời văn trong kinh Quán Âm, nay y cứ theo quán để giải thích thì hai tay biểu thị cho hai trí, tuôn sữa biểu thị cho việc giảng nói giáo pháp, khiến cho chúng sinh được no đủ pháp vị; Người thầy thuốc xưa trộm giáo pháp, tức chỉ cho ngoại đạo trộm giáo pháp của Phật, dùng danh từ Thường, Lạc của Phật, cho nên nói là trộm lấy danh từ sữa; Không hiểu nghĩa này là không hiểu chân nghĩa của bốn đức. “Mà bị ...” trở xuống là: Do không hiểu bốn đức, nên khởi bốn điên đảo, vọng chấp niệm niệm nối nhau là Thường, vọng chấp nhận sự vui thú ở cõi trời, cõi người là Lạc; vọng chấp nhận sự chuyển động tự do là Ngã, vọng chấp nhận thân dơ uế được da dẻ bao bọc này là Tịnh, do bốn việc này mê hoặc mà sinh ra bốn điên đảo. “Độc loạn” là bốn điên đảo là sữa độc làm loạn chân tâm, mà thương tổn pháp thân, nguy hại đến tuệ mạng.

“Mặn, đắng và ngọt” là dụ cho ba tu. Dùng nêm tháo nêm, về Tiết thì thuyết văn nói Tiết tức là Tẩm (tứ lâm thiết) tức là dùng cái nêm “sữa chánh” để tháo nêm “sữa tà” hoặc nói là phương tiện, dùng vô thường của Tiểu thừa để trị tà thường, hoặc nói pháp chân thật, tức là dùng viên thường trị vô thường. Đây tức là Thập Hạnh của Biệt giáo, tùy cơ lợi ích chúng sinh.

“Như kinh” tức văn trong phẩm Ai Thán. “Nghé” dụ cho Phật, đạt được lý Trung đạo nhu hòa, khéo léo thuận theo chúng sinh, cho nên gọi là Điều ngự khéo. Chẳng theo không, chẳng trụ có, chẳng ở Niết-bàn cao nguyên, chẳng cùng với sinh tử dưới thấp, chẳng nhiễm Tam-muội Chân đế, như chẳng uống rượu; chẳng dính mắc Tam-muội Tục đế như chẳng ăn hèm bả, trí Nê-hoàn dễ được như cỏ tươi, trí phân biệt khó sinh như lúa mạch, trâu đực không có sữa ví như không có từ bi. Cho nên để nói rằng Phật có tâm từ bi Bất cộng.

Chuyển phàm thành Thánh, đây là theo Biệt giáo, chuyển đổi hạnh phàm phu trước Thập địa, (Địa tiền) thành bậc thánh Đẳng địa cũng chuyển bậc Thánh thành vô thượng đạo, chuyển bậc Thánh Thập Địa thành Diệu giác vô thượng đạo. “Phật giáo như sữa bò thượng diệu nghĩa là viên tín, viên tu, đầu và cuối chẳng hai, cho nên nói là được an trụ trong tạng Bí mật. Nêu kệ Tứ xuất để chứng minh cho nghĩa trên tức là bài kệ nói về xưa không mà nay có. Nhân Sư gọi là kệ Tứ xuất, kệ Tứ trụ tức Niết-bàn như căn nhà, bốn xuất như bốn trụ, nhất xuất là phẩm Bồ-tát, nhị xuất là phẩm Phạm Hạnh, tam xuất là phẩm thứ hai mươi lăm, tứ xuất là quyển hai mươi sáu, cả bốn về đại ý thì đồng mà duyên thì khác. Một, phẩm Bồ-tát thì giải thích khác nhau, không khác nhau; hai giải thích đặc và vô đặc; ba giải thích hữu bất định, hữu vô bất định vô; bốn, là phá thuyết định tánh, vô định tánh. Cho nên nói là luận về không khác nhau, khác nhau ... y cứ vào đây mà nói thì không có lỗi, y cứ vào tứ xuất này mà nói sữa có nhiều loại. Sữa tà ác gọi là sữa sữa, sinh tử dụ cho sữa, Niết-bàn dụ cho chẳng phải sữa, nhân quả của phàm phu là câu sinh cho nên gọi là sữa sữa. Vì sao ông còn nghi ngờ? Lời kết luận trách cứ người vặn hỏi, “Tử” là từ tôn trọng khen tặng người nam. Theo thầy học viết chữ, thời xưa ở nơi này, khi con trai được sáu tuổi thì dạy cho số đếm và tên các phương hướng, mười tuổi thì vào tiểu học, dạy cho các việc như Lục giáp viết chữ và tính toán, gọi là văn học.

“Luận xuất dục”, là bộ luận nói về Phạm thiên xa lìa cõi Dục. Thích thiên tức là trời Đạo-lợi.

Các loại Thương Nhã, Thương và Nhã có rất nhiều loại. Thương

có thương Hiệt thiên, Bã thương, Tam thương. Nhã thì có Quảng nhã, Bát-nhã, Tiểu nhã. Thương là tên người. Đế Vương Thế Kỷ ghi: “Hoàng đế rử xiêm áo, Thương Hiệt đặt ra văn”. Nhã chẳng phải tên người; Nhĩ tức là gần. Thấy nghe rộng có thể gần gũi mà học được đến chân chánh, nên gọi Nhĩ Nhã. Tạ Linh Vận chánh dẫn Thương Hiệt để chứng minh cho từ Phạm Khư-lâu là tên người, còn Nhã thì kèm theo mà có.

“Lại là hai chữ thế gian này”, ví như hai bộ sách, Thương và Nhã ở xứ này đều nói nghĩa văn tự hỗ huấn, gọi là hai chữ, cho nên Phạm là một người, Khư-lâu là một người. “Bà-hòa, là tiếng của đứa bé Tập nói, dụ cho Tiểu giáo phương tiện. Gọi là hữu vi vô vi, tức Khổ Tập là hữu vi, Diệt đạo là vô vi, ở đây gọi hai đế sinh diệt là hai chữ.

“Bán Mãn là hai chữ”, Hữu vi vô vi nói ở trước hợp lại thành chữ Bán, đối với Đại thừa là chữ Mãn.

“Sáu hạnh đều biết rõ” là hơn kém mỗi thứ đều có ba tu.

“Là Đại mà chẳng phải Mãn”, nghĩa là ở giáo Niết-bàn hơn kém đều nói, thì Đại Tiểu gồm đủ, cho nên gọi là Mãn; Pháp Hoa phế bỏ Tiểu thừa, nên chỉ là Đại mà chẳng phải Mãn.

“Do là vô thường”, chữ Do nên viết là Du (giống, như), nghĩa là nói thường trụ tức chỉ ở Niết-bàn. “Các nghĩa này đều chẳng đúng”, là giáo pháp kinh Pháp Hoa khai quyền hiển thật vượt hơn các giáo đã nói, đang nói và sẽ nói, là cao siêu bậc nhất, mà lại cho là chẳng phải Mãn. Tướng thế gian Thường trụ, biết các pháp thường vô tánh, rõ ràng là đã nói Thường trụ, mà lại cho là Vô thường, thật là trái ý Thánh, ngược với văn kinh, quá điên loạn, thật không thể nói được, cho nên vẫn nói là chẳng cần vặn hỏi. Hưng Hoàng nêu lên năm thứ Mãn, đã nói lược ở sơ ký. Chê Tiểu thừa, khen Đại thừa, chê Tam tạng giáo, khen ba giáo sau (Thông, Biệt, Viên).

Đối bán, là đối Nhị thừa (kèm theo Nhị thừa).

Phế bỏ Bán tự giáo để hiển bày Mãn tự giáo, nếu nói theo Bốn giáo, thì ba giáo sau đều được tên gọi là Mãn. Nếu ở Pháp Hoa, Niết-bàn, thì ba giáo trước gọi là Bán, chỉ có Viên mới được gọi là Mãn.

“Xóa bỏ bán để hiển bày Mãn”; nói phế là y cứ theo đối đãi, nói khai là để y cứ theo tuyệt dứt đối đãi, cho nên biết hai chữ Bán và Mãn, tên thì dùng chung, nhưng nghĩa thì khác nhau.

Tu-bạt, Hán dịch là Thiện Hiền, phẩm Kiều-trần-như ghi: “ngoài rừng Ta-la, có một vị Phạm chí, tên là Tu-bạt-đà, một trăm hai mươi tuổi, được định Phi tướng, nghĩ là mình đã được Niết-bàn, Đức Phật bảo A-nan gọi đến nói cho Tu-bạt nghe về Đệ nhất nghĩa đế, Tu-bạt liền

chứng quả A-la-hán”.

Tu-bạt nghe giáo Viên thường mà chứng Tiểu quả, vì Tiểu bát tức là Đại mãn.

Nói rõ về hai chữ Thường Trụ, như phẩm Ai Thán đã ghi, lại y cứ vào năm thời để quy về bốn câu, đó là Lộc Uyển, Pháp Hoa, Niết-bàn, và hai vị nhân thiên giáo trước Lộc Uyển.

“Tà tam tu” là thế gian điên đảo, theo tà tu chỉ dạy thấy các tướng nối nhau, nối nhau cho là Thường, cảm thấy thân tâm ưa thích cho là lạc, chấp cái chuyển động vận hành cho là Ngã, đầu tiên y cứ theo tà tuệ để giải thích, kế đó y cứ theo tà thiên để giải thích, như chấp điện chớp chống diệt, dụ cho vọng tưởng chẳng trụ lâu, phù du lao vào đèn dụ cho vọng lạc, chỉ là khổ, tầm tự trối mình dụ cho vọng ngã chẳng được tự tại.

“Truy cầu không chán, như khát mà uống nước mặn, nước đường, thật không ích gì, do khởi tà chấp mà tìm cầu năm trần”. Cũng là ... trở xuống chán lìa khổ thô chướng ở cõi dưới mà tìm cầu thắng diệu siêu xuất ở cõi trên, tức y cứ theo tà thiên để giải thích, tức là sáu hạnh quán. Các ngoại đạo với chi giác quán ở Sơ thiên, thì nhằm lìa giác quán, cho Sơ thiên là khổ thô chướng. Vì hai pháp giác quán làm tán loạn tâm định cho nên gọi là khổ, từ hai pháp này sinh hỷ lạc nên gọi là thô, hai pháp làm ngăn ngại tâm định ở cõi trên nên gọi là chướng. Nhị thiên không giống với cảnh giới này nên gọi là Thắng Diệu Xuất, tu tập Ba thiên trên và bốn không cũng giống như thế. Vì nhằm chán ba pháp, ưa thích ba pháp nên gọi là Tà tam tu.

Có công năng phá được vô minh, điệu cử, mạn, nghi và tham của cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc.

Nói về Ba tu có công năng phá hoặc nhiễm tức là tham. Đạo chơi nơi giác hoa, bầy giác như hoa nên gọi là giác hoa.

“Tà-tu v.v...” trở xuống là văn trong phẩm Ai thán chữ Y thế gian, liệt tu là chữ Y xưa, thắng tu là chữ y mới, lý Đại Bát-niết-bàn là chữ y chẳng cũ chẳng mới. Đây là văn trong phẩm Ai Thán chỉ có hai chữ Y là cũ và mới. Nay theo nghĩa lập lại thêm chữ Y thế gian và chữ Y chẳng cũ chẳng mới, cũng như y cứ theo văn trước chỉ có sữa mà chia ra nhiều loại. Luận Trí Độ nói về bốn y, Bồ-tát y theo nghĩa mà đặt tên, tên là pháp thí, đây là một thí dụ. Nhưng kinh dùng chữ Y cũ dụ cho ngoại đạo, nay vì y cứ theo nghĩa lập lại thêm chữ Y thế gian cho nên dùng chữ y cũ dụ cho Nhị thừa.

“Có bản sơ riêng”, là chia Tịnh Danh Huyền Số thành ba bộ, đó

là Tứ Tất bốn quyển, Tứ giáo bốn quyển, Tam quán lưỡng quán. Nay chỉ cho Tứ giáo.

“Đó là tạng giới, định, tuệ”, Luật tạng nói về giới, Kinh tạng nói về định và Luận tạng nói về tuệ. Tạng có ba thứ riêng cho nên gọi là Tam tạng, đây là hợp chữ để giải thích. Trong bốn Niệm xứ cho rằng có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát nên nói ba là, Kinh Luật Luận . “Cho nên gọi là Tam tạng; Đây là giải thích riêng từng chữ.

Là những trẻ thơ kia v.v... Ba thừa đều gọi là trẻ thơ, lần lượt tu hành ba học như bước lên từng bậc thang.

“Sợ phải lâu dài”, chẳng thể đi xa năm trăm do-tuần.

“Dừng nghỉ ở hóa thành”. Đây chỉ là y cứ theo Nhị thừa, nếu là Bồ-tát, trong nhân thì không nhập, đến quả mới nhập.

Bồ-tát dùng tâm đại Niết-bàn tu hành thì thành Thánh hạnh, đây là chỉ cho Bồ-tát Viên đốn, tu ba học của Tiểu thừa để giúp đạo, cũng là người tu hành theo thứ lớp chỉ quán. Đoạn sau nói về Thông giáo và Biệt giáo cũng giống như thế. Thân dụ cho tiểu giới, xương trắng dụ cho tiểu định, tám khổ dụ cho tiểu tuệ. Xa gần đều thông suốt, hàng độn căn là gần thì thông với thiên chân, lợi căn là xa thì thông với Trung đạo, tức là căn cơ thọ tiếp.

“Nếu tiến lên phía trước thì sẽ đạt được”, là nhờ vào lời văn bỏ Tiểu bày Đại của kinh Pháp Hoa, để tạo thành ý nghĩa hàng Thông giáo được tiếp nhận.

“Sự lý được thực hiện”, sự tức trải qua nhiều kiếp tu hành, nhập Không ra Giả, lý thì mới phát tâm đã biết Trung đạo đẳng địa, chẳng phải là điều mà hàng Ba thừa của hai giáo biết được, vì chân lý chứng ngộ của Bồ-tát hai giáo vốn không đã đồng với Nhị thừa, thì ắt thuộc về Nhị thừa. Cho nên văn trước nói: Không chung với Nhị thừa.

Chẳng phải là điều mà hàng Nhị thừa và Hạ địa biết được, là giáo pháp viên dung ba Đế, chẳng phải là nhị thừa Tạng Thông giáo và Hạ địa của Biệt giáo biết được. Hạ địa tức là trước Thập địa, chứng đạo đồng với Viên giáo thì sẽ biết được từng phần. “Từ cạn đến sâu”, là ba giáo đều có sâu cạn, Viên giáo chỉ có sâu mà thôi. Bồ-tát tu đủ bốn giáo, cho nên nói là từ cạn đến sâu.

“Tức là giáo Tiệm đốn” là trải qua thiên Tiệm mà của ba giáo cho đến Viên Đốn. Cho nên gọi là Tiệm Đốn, Tiệm Viên. “Đây là một pháp quán ghi trong văn”, tức là theo thứ lớp tu tập năm hạnh từ Tiệm đến viên, trong ba thứ chỉ quán thì thuộc về Thứ đệ chỉ quán.

“Lại có một hạnh là hạnh Như Lai”: Một hạnh tức chẳng theo thứ

lớp năm hạnh, trong ba loại Chỉ quán tức thuộc về Viên đốn chỉ quán. “Xe mới khởi hành”: Văn Tuyền ghi: “Phát chấn thanh lạc nhuế”. chú thích: “Chấn là xe cộ (xa), nghĩa là đánh xe đến Lạc dương. Nay dùng xe khởi hành để dụ cho người mới tu học.

“Lại chẳng có gì khác nhau”, pháp Viên giáo không khác nhau nhưng vì từ Tiệm mà vào, nên gọi là Tiệm viên, chẳng phải cho rằng Viên có Tiệm có Đốn khác nhau.

“Thông giáo là Tạp tạng”, vì đương giáo hóa ba thừa và hàng căn cơ được tiếp nhận chẳng giống nhau, nên gọi là Tạp.

“Chính là thí dụ dùng để nói lên thứ lớp thuyết giáo của Đức Thích Tôn”, là dùng việc bò đầu tiên cho ra sữa, dụ cho việc Phật ra đời, đầu tiên nói Hoa Nghiêm, cho đến cuối cùng sữa thành Đề hồ dụ cho Đức Phật, cuối cùng nói Pháp Hoa, Niết-bàn như trong quyển mười ba có nói.

“Chẳng nên dùng ý sâu xa để hiểu”, chẳng nên cho rằng sữa nhất định là kém dở (cạn) thì cho Hoa Nghiêm là kém, đề hồ nhất định là tuyệt (sâu), thì cho Niết-bàn là cao siêu. Nên biết vì y cứ theo thứ lớp sinh nhau, cho nên có năm, mà trong các vị đều có ý viên dung, cho nên không có hơn kém, Lộc uyển hiển bày vô, Bí mật cũng nói hữu, đây cũng chẳng y cứ theo khai hay chẳng khai, để phân biệt hơn kém.

“Nếu cho rằng đầu tiên là cạn sau cùng là sâu, nghĩa là chẳng đúng v.v...” trở xuống là nên giải thích theo thứ lớp thì không phạm lỗi, đoạn này dẫn văn kinh để phá định chấp. Về kiến chấp sâu cạn được dụ, nếu bốn vị cạn hẹp thì chẳng nên dụ là sâu xa, nếu đề hồ sâu xa, thì chẳng nên dụ cho cạn hẹp.

“Thầy thuốc khám bệnh cho vua, v.v...” Thầy thuốc dụ cho Phật, vua dụ cho chúng sinh, bệnh dụ cho chấp vô thường, sữa dụ cho kinh này, tức là dùng Thường, Lạc để phá vô thường.

Tô (bơ) ngọt có tám vị, khi còn là sữa lạc thì có vị lạt, khi thành đề hồ thì vị đậm, tô ở khoảng giữa nên có đủ tám vị. Đó là vị sống, vị chín, vị thô, vị tương, vị sữa, vị ngọt, vị lạt, vị béo; kinh dùng vị này dụ cho Niết-bàn có đủ tám đức là thường lạc, ngã, tịnh, hằng an ổn, không nhiễm nhơ, mát mẻ, không già không chết.

So ra nó rất sâu rộng, hướng là so sánh, chẳng thể nói là sâu, đã dụ cho Nhị thừa, pháp ấy là cạn.

Như máu biến thành sữa, vô minh tức là minh, như máu biến thành sữa, từ thể của pháp giới lưu xuất ra pháp giới, tức nương vào Lý Viên đốn mà nói Giáo Viên đốn.